

Số: 53/2023/QĐST-DS

Q, ngày 27 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA T1ẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự đã thoả T1ận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 34/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả T1ận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả T1ận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T1ận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả T1ận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 6, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Mạnh Đ - Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K theo Giấy uỷ quyền về việc tham gia tố tụng số 100-03/2022/UQ-TCB ngày 28/02/2023.

- Bị đơn: Anh Đỗ T, sinh năm 1981 và vợ là chị Nguyễn Thị Hoài T1, sinh năm 1981.

Cùng ĐKKHKT tại: Xóm Bến Rước, thôn N, xã NM, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Anh Đỗ Ngọc H, sinh năm 1981.
- + Chị Bùi Thị Minh P, sinh năm 1985 (vợ anh H).
- + Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953 (mẹ anh H).
- + Cháu Đỗ Ngọc M, sinh năm 2010 (con của anh H – chị P).
- + Cháu Đỗ Thị Minh N, sinh năm 2012 (con của anh H – chị P).

Cùng ĐKKHKT tại: Xóm Bến Rước, thôn N, xã NM, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa T1ận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP K và anh Đỗ T – chị Nguyễn Thị Hoài T1 xác nhận tạm tính đến ngày 01/6/2023 vợ chồng anh T – chị T1 còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 10557/HĐTD/TH-TN/TCB-SGO ngày 05/10/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 11/10/2010 là: 6.320.422.139đ (Sáu tỷ, ba trăm hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, một trăm ba mươi chín đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 2.095.552.000 đồng (Hai tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 2.048.137.028đ (Hai tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi tám đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 2.176.733.111 (Hai tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, một trăm mười một đồng).

2.2. Kể từ ngày 02/6/2023 cho đến khi tất toán xong khoản vay, vợ chồng anh T – chị T1 pH tiếp tục trả ngân hàng tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa T1ận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên nhưng pH phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa T1ận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K thì lãi suất mà anh T – chị T1 pH tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng TMCP K theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP K.

2.3. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu anh T – chị T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để T1 hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 489, tờ bản đồ số: 02 tại thôn N, xã NM, huyện Q, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 936835, sổ vào sổ cấp GCN số: 1454 ngày 19/02/2009 cho ông Đỗ Ngọc H theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng: 4794.2010/HĐTC-TCB ngày 08/10/2010 do Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội công chứng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Q ngày 09/10/2010.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm.

Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự và những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

2.4. Nếu số tiền T1 được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì vợ chồng anh T – chị T1 vẫn pH có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP K. Nếu còn dư thì trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.5. Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày 01/6/2023 là 3.367.751.378đ (Ba tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng); Và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

2.6. Về án phí: Anh T – chị T1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 57.160.211đ (Năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn, hai trăm mười một đồng).

Ngân hàng TMCP K không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP K số tiền 58.075.000đ (Năm mươi tám triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T1 tạm ứng án phí số AA/2020/0000564 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy